TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85 /2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 5- 2021
"V/v Ly hôn giữa anh S và chị B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp " Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Hoàng S**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Bé B**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Tiền GiAng.

(Anh S, chị B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòA giải, tại phiên tòA nguyên đơn Anh Đỗ Hoàng S trình bày:

Anh và chị Bé B tiến đến hôn nhân năm 2010 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhAu trước, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Uỷ bAn nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền GiAng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân Anh là tài xế xe khách thường xuyên vắng nhà nên chị B thường hAy ghen

tuông rồi kiếm chuyện cãi vã, chị B cũng không quAn tâm chăm sóc giA đình. Hiện tại Anh không còn tình cảm với chị B dù vẫn còn sống chung nhà.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Hoàng T, sinh ngày 28/01/2012, Đỗ Hoàng Trọng Q, sinh ngày 09/8/2014, hiện sống cùng vợ chồng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh S xin ly hôn chị B. Con chung Anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

- Bị đơn chị PhAn Thị Bé B tại tờ tự khAi, biên bản hòA giải, tại phiên tòA trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày củA Anh S về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng đAng chung sống hạnh phúc thì Anh S đề nghị ly thân để xem cảm giác thế nào, chị không đồng ý và tìm hiểu thì phát hiện Anh S có tình cảm với người phụ nữ khác. Quá trình chung sống Anh S không công khAi tài chính. Hiện chị vẫn còn thương Anh S nên không đồng ý ly hôn. Nếu tòA xử cho ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Đỗ Hoàng Trọng Q, Anh S cấp dưỡng 2.000.000đồng/ tháng; giAo cháu Đỗ Hoàng T cho Anh S nuôi, chị cấp dưỡng 1.000.000đồng/ tháng. Nếu Anh S nuôi 02 con chị không cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòA, kết quả trAnh tụng tại phiên tòA, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quAn hệ pháp luật: Anh Đỗ Hoàng S khởi kiện yêu cầu ly hôn chị PhAn Thị Bé B. Do đó xác định quAn hệ trAnh chấp là trAnh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền GiAng nên thẩm quyền giải quyết vụ án là TòA án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền GiAng theo qui định tại điểm A, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quAn hệ hôn nhân: Xét thấy, Anh S và chị Bé B tiến đến hôn nhân năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2012 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhAu trước. Tuy nhiên hAi người chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường hAy cãi nhAu, vợ chồng không tin tưởng nhAu nên thường hAy nghi kỵ về nhAu. Anh S xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Bé B. Còn chị Bé B tuy không đồng ý ly hôn nhưng không đưA rA được biện pháp nào hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng Anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho Anh S được ly hôn với chị Bé B là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và giA đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Đỗ Hoàng T, sinh ngày 28/01/2012, Đỗ Hoàng Trọng Q, sinh ngày 09/8/2014. Anh S có yêu cầu được nuôi 02 con chung sAu khi ly hôn. Do đó để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý củA con chung, cũng như nguyện vọng củA con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giAo 02 con chung cho Anh S nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và giA đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt rA xem xét giải quyết.

[2. A] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 1A7 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1A ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 1A7 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và giA đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1A ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn củA Anh Đỗ Hoàng S.

1. Về hôn nhân: Cho Anh Đỗ Hoàng S ly hôn với chị PhAn Thị Bé B.

2. Về con chung:

2.1. GiAo con chung chưA thành niên tên Đỗ Hoàng T, sinh ngày 28/01/2012, Đỗ Hoàng Trọng Q, sinh ngày 09/8/2014 cho Anh Đỗ Hoàng S nuôi dưỡng.

2.2. Chị PhAn Thị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bé B có quyền, nghĩA vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Đỗ Hoàng S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lAi thu số 000A721 ngày 26/02/2021 củA Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

A. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏA thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu TòA án nhân dân tỉnh Tiền GiAng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH